

Phụ lục 1
CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CẢI THIỆN DINH DƯỠNG

TT	Nội dung	Chỉ số đo lường	Mục tiêu chung của chương trình đến năm 2025	Khái niệm	Nguồn số liệu	Đơn vị chịu trách nhiệm	Đơn vị phối hợp
Mục tiêu cụ thể 1	Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.	% suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	Dưới 34%	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (suy dinh dưỡng thấp còi): Là tỷ lệ phần trăm trẻ em dưới 5 tuổi có chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em dưới 5 tuổi được đo	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	Sở Y tế	Viện Dinh dưỡng
		% suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi	Dưới 5%	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao (suy dinh dưỡng gầy còm): Là tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi có cân nặng theo chiều cao thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em dưới 5 tuổi được cân đo	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	Sở Y tế	Viện Dinh dưỡng
		% suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ học	Dưới 34%	Tỷ lệ trẻ học đường 5-16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (suy dinh dưỡng thấp còi): Là tỷ lệ phần trăm trẻ em 5-16 tuổi có	Điều tra giám sát dinh dưỡng	Sở Y tế	Viện Dinh dưỡng

TT	Nội dung	Chỉ số đo lường	Mục tiêu chung của chương trình đến năm 2025	Khái niệm	Nguồn số liệu	Đơn vị chịu trách nhiệm	Đơn vị phối hợp
		đường 5-16 tuổi		chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em 5-16 tuổi được đo	hàng năm.		
Mục tiêu cụ thể 2	Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh; trẻ em, phụ nữ mang thai và bà mẹ cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.	% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	Trên 80%	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng trên tổng số trẻ SDD cùng đối tượng quản lý	Báo cáo hàng năm	Sở Y tế	
		% phụ nữ mang thai được cung cấp miễn phí viên đa vi chất	Trên 80%	Tỷ lệ phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh trên tổng số phụ nữ mang thai cùng đối tượng quản lý.	Báo cáo hàng năm	Sở Y tế	
		% thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi và phụ	Dưới 20% và dưới 30%	Tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, giảm xuống trên tổng số đối tượng quản	Đánh giá cuối kỳ	Viện Dinh dưỡng	

TT	Nội dung	Chỉ số đo lường	Mục tiêu chung của chương trình đến năm 2025	Khái niệm	Nguồn số liệu	Đơn vị chịu trách nhiệm	Đơn vị phối hợp
		nữ mang thai		lý.			
		% thiếu kẽm ở trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ mang thai.	Dưới 60% và dưới 70%	Tỷ lệ thiếu kẽm ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, trên tổng số đối tượng quản lý.	Đánh giá cuối kỳ	Viện Dinh dưỡng	
Mục tiêu cụ thể 3	Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo.	% trẻ em 6-23 tháng tuổi ăn bổ sung đúng, đủ	Đạt 50%	Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng sinh sống trên địa bàn huyện nghèo được ăn đa dạng (bằng hoặc nhiều hơn 5/8 nhóm thực phẩm theo WHO) và ăn đủ bữa trong độ tuổi của trẻ trong ngày hôm trước trên tổng số trẻ 6-23 tuổi quản lý.	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	Sở Y tế	Viện Dinh dưỡng
		% hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh	Trên 80%	Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	Sở Y tế	Viện Dinh dưỡng

TT	Nội dung	Chỉ số đo lường	Mục tiêu chung của chương trình đến năm 2025	Khái niệm	Nguồn số liệu	Đơn vị chịu trách nhiệm	Đơn vị phối hợp
		đường trong tình huống khẩn cấp					

CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ HÀNG CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ, THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

Stt	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Giảm % suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi ³	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Giảm 1% so với 2022	Giảm 2% so với 2023	Giảm 2% so với 2024
2	Giảm % suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Giảm 1% so với 2022	Giảm 2% so với 2023	Giảm 2% so với 2024
3	Giảm % suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ học đường 5-16 tuổi	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Giảm 1% so với 2022	Giảm 2% so với 2023	Giảm 2% so với 2024
4	Tăng % trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Đạt độ bao phủ tối thiểu 60%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%
5	Tăng % phụ nữ mang thai được cung cấp miễn phí viên đa vi chất trên địa bàn huyện nghèo được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Đạt độ bao phủ tối thiểu 60%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%
6	Tăng % trẻ em 6-23 tháng ăn bổ sung đúng, đủ trên địa bàn huyện nghèo trong tình huống khẩn cấp.	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Tăng 5% so với 2022	Tăng 7 - 10% so với 2022	Tăng 7 - 10% so với 2022
7	% hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp trên địa bàn huyện nghèo.	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%

³ Năm 2022: Số liệu TTYT các huyện/thành phố báo cáo

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

Phụ lục 2 (Biểu số 7)CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**THÔNG TIN GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CẢI THIỆN DINH DƯỠNG THUỘC TIÊU DỰ ÁN 2 - DỰ ÁN 3
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÁM NGHEO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

TT	Loại hoạt động (theo nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án)	Nội dung (các nội dung hỗ trợ theo từng hoạt động của Tiểu dự án)	Cấp thực hiện	Tổng vốn (triệu đồng)	Trong đó				Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống SDD, thiếu VCDD cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo						Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu VCDD; bảo vệ chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi)				Kết quả thực hiện					
					NSTW	NSDP	Huy động	Số trẻ em dưới 5 tuổi được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng			Trong đó số trẻ em gái	Số phụ nữ có thai được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	Số bà mẹ có con dưới 5 tuổi và bà mẹ mang thai được tư vấn dinh dưỡng	Số trẻ theo dõi và quản lý SDD cấp tỉnh tại CD	Trong đó số trẻ em gái	Số trẻ được tư vấn dinh dưỡng	Trong đó số trẻ em gái	Số trẻ SDD được bổ sung đa VCDD	Trong đó số trẻ em gái	Tỷ lệ SDD trẻ dưới 5 tuổi thể thấp còi		Tỷ lệ SDD trẻ dưới 5 tuổi thể gầy còm		Tỷ lệ SDD trẻ từ trên 5 tuổi đến dưới 16 tuổi thể thấp còi		
																				Cuối kỳ	Chênh lệch so với đầu kỳ (tăng (+), giảm (-))	Cuối kỳ	Chênh lệch so với đầu kỳ (tăng (+), giảm (-))	Cuối kỳ	Chênh lệch so với đầu kỳ (tăng (+), giảm (-))	
A	B	C	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
TỔNG CỘNG																										

..... Ngày tháng năm.....
Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)**Lưu ý:** - Biểu mẫu này do cấp xã lập trên cơ sở thông tin từ các hoạt động hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng

- Khi cấp huyện tổng hợp thì bổ sung thêm cột "tên xã" và thêm dòng "tổng cộng" toàn huyện

- Khi cấp tỉnh tổng hợp từ cấp huyện thì bổ sung thêm cột "huyện" và thêm dòng "tổng cộng" cho toàn tỉnh